

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 20/2024/KDTM-ST

Ngày: 28/11/2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Hồng Huế là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2024/TLST-KDTM ngày 14 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2024/QĐXXST-KDTM ngày 17/10/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV D; Địa chỉ: Số I, đường D, khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương

Người đại diện pháp luật: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1982- chức vụ: Giám đốc (có mặt)

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S; Trụ sở: Lô A, khu công nghiệp C, khu phố B, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2024, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH MTV D – ông Đỗ Văn T trình bày:

Công ty TNHH D (viết tắt là công ty D) và công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (viết tắt là SHF) giao dịch mua bán hàng hóa với nhau trong đó công ty S1 là khách hàng của công ty D, công ty D cung cấp văn phòng phẩm cho công ty S1. Công ty D và SHF không ký hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau mà chỉ thỏa thuận miệng. Hai bên thống nhất phương thức thanh toán theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của công ty T1. Thời gian thanh toán là trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn tài chính. Công ty D đã cung cấp hàng hóa, giao hàng đầy đủ cho công ty S1 theo thỏa thuận mua hàng

với số tiền nợ là 14.771.568 đồng. Ngày 16/9/2023 công ty S1 có ký nhận phiếu giao hàng văn phòng phẩm tháng 9/2023, công ty D đã xuất và gửi hóa đơn số 40 ngày 26/9/2023 với số tiền là 14.771.568 đồng cho công ty S1 nhưng đến nay công ty S1 vẫn chưa thanh toán cho công ty D mặc dù công ty D đã nhiều lần yêu cầu công ty S1 trả tiền. Vì vậy, công ty D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV S thanh toán tiền nợ gốc là 14.771.568 đồng và lãi suất chậm trả tính từ tháng 9/2023 đến tháng 5/2024 theo mức lãi suất 0,3%/tháng là 354.512 đồng. Tổng cộng là 15.126.080 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp chứng cứ: Đơn khởi kiện (bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ký sao y của công ty); Căn cước công dân ông Đỗ Văn T (ký sao y của công ty); Phiếu giao hàng (ký sao y của công ty); Xác nhận thông tin số tài khoản (bản chính); Hóa đơn giá trị gia tăng số 40 ngày 26/9/2023 (ký sao y của công ty); Bản tự khai (bản chính)

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn công ty TNHH MTV S đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện về lãi suất chậm trả, cụ thể nguyên đơn chỉ yêu cầu tiền lãi suất chậm trả từ ngày 27/10/2023 đến tháng 5/2024 với số tiền là 316.110 đồng.

Bị đơn vắng mặt không lý do

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 của BLTTDS năm 2015; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 của BLTTDS năm 2015

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 và 306 của Luật thương mại; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty D buộc công ty TNHH MTV S phải trả cho công ty D số tiền 14.771.568 đồng nợ gốc lãi suất.

Về án phí: Đề nghị xem xét theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1} Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của công ty TNHH MTV D phải thanh toán số tiền còn nợ trong việc cung cấp hàng hóa trong hoạt động kinh doanh, thương mại, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ Luật tố tụng dân sự.

{2} Về thẩm quyền: Bị đơn Công Signature Home Furnishings có địa chỉ tại KCN C, ấp B, xã T, huyện C (nay là KP.2, P. T, thị xã C), tỉnh Bình Phước do đó căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành.

{3} Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không yêu cầu nên căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về thời hiệu.

{4} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty D đối với số tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn cho rằng Công ty TNHH MTV S (viết tắt là công ty S1) và công ty D giao dịch mua bán hàng hóa với nhau trong đó công ty D cung cấp văn phòng phẩm cho công ty S1, công ty D đã giao đúng và đủ số lượng, chất lượng hàng hóa theo thỏa thuận cho công ty S1 và đã xuất và gửi hóa đơn số 40 ngày 26/9/2023 với số tiền là 14.771.568 đồng cho công ty TNHH MTV S. Công ty D đã nhiều lần yêu cầu công ty TNHH MTV S trả nợ nhưng công ty TNHH MTV S vẫn không thanh toán số tiền nợ 14.771.568 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp bị đơn tham gia làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh bị đơn đã thanh toán tiền cho nguyên đơn. Tại văn bản số 3226/CT-TTKT2 ngày 23/9/2024 của cục thuế tỉnh B xác định công ty S có kê khai thuế đối với hóa đơn giá trị gia tăng số 40 ngày 26/9/2023 nêu trên nên việc công ty S có nhận hàng của Công ty D theo hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền 14.771.568 đồng là sự thật.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định công ty S còn nợ công ty D số tiền 14.771.568 đồng trong việc cung cấp hàng hóa và buộc công ty S phải trả cho công ty D số tiền 14.771.568 đồng nợ gốc là phù hợp theo quy định tại Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại.

[5] Đối với yêu cầu lãi suất: Các bên không thỏa thuận về việc tính lãi phát sinh nên căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại 2005, Công ty D được quyền tính lãi từ thời điểm Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu tính lãi của công ty D từ ngày 27/10/2023 đến hết tháng 5/2024 là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Về mức lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay, mức lãi suất theo lãi suất nợ trung bình quá hạn của 3 Ngân hàng tại thời điểm xét xử là 15,6%/năm (tương đương 1,3%/tháng): Ngân hàng N (14,25%/năm), Ngân hàng thương mại cổ phần N1 (13,5%/năm) và Ngân hàng Thương mại cổ phần C (19,05%/năm). Yêu cầu của nguyên đơn chỉ tính là 0,3% /tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và bản

án lệ số 09/AL ngày 7/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần được chấp nhận. Theo đó, Công ty S còn nợ công ty D số tiền gốc 14.771.568 đồng theo hóa đơn số 40 ngày 26/9/2023.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu lãi suất chậm trả cụ thể trước đây nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi chậm trả là từ tháng 9/2023 đến tháng 5/2024, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất từ 27/10/2023 đến hết tháng 5/2024 với mức lãi suất 0,3%/tháng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định nên được chấp nhận

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,3 %/tháng là không vượt quá mức lãi suất nợ trung bình quá hạn của 3 Ngân hàng tại thời điểm xét xử nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

Do đó, công ty S phải trả lãi phát sinh tương ứng là: 14.771.568 đồng x 0,3%/tháng x 07 tháng 04 ngày (từ 27/10/2023 đến hết tháng 5/2024) là 316.110 đồng.

Tổng cộng số tiền Signature Home F phải trả Công ty D là 15.087.678 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 và 306 của Luật thương mại

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty D buộc công ty TNHH MTV S phải trả cho Công ty TNHH MTV D số tiền 14.771.568 đồng nợ gốc và 316.110 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV S phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng. Công ty TNHH MTV D được nhận lại số tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004288 ngày 13/6/2024

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TX Chơn Thành;
- Chi cục THADS TX Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ung Thị Ngọc Thanh